

CÔNG TÁC CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

ThS. BS. Phạm Xuân Thành
Cục Phòng bệnh - Bộ Y tế

NỘI DUNG TRÌNH BÀY

I. Thực trạng công tác quản lý VSLĐ, chăm sóc sức khỏe, phòng chống BNN cho NLĐ

II. Đánh giá chung

1. Thuận lợi

2. Khó khăn

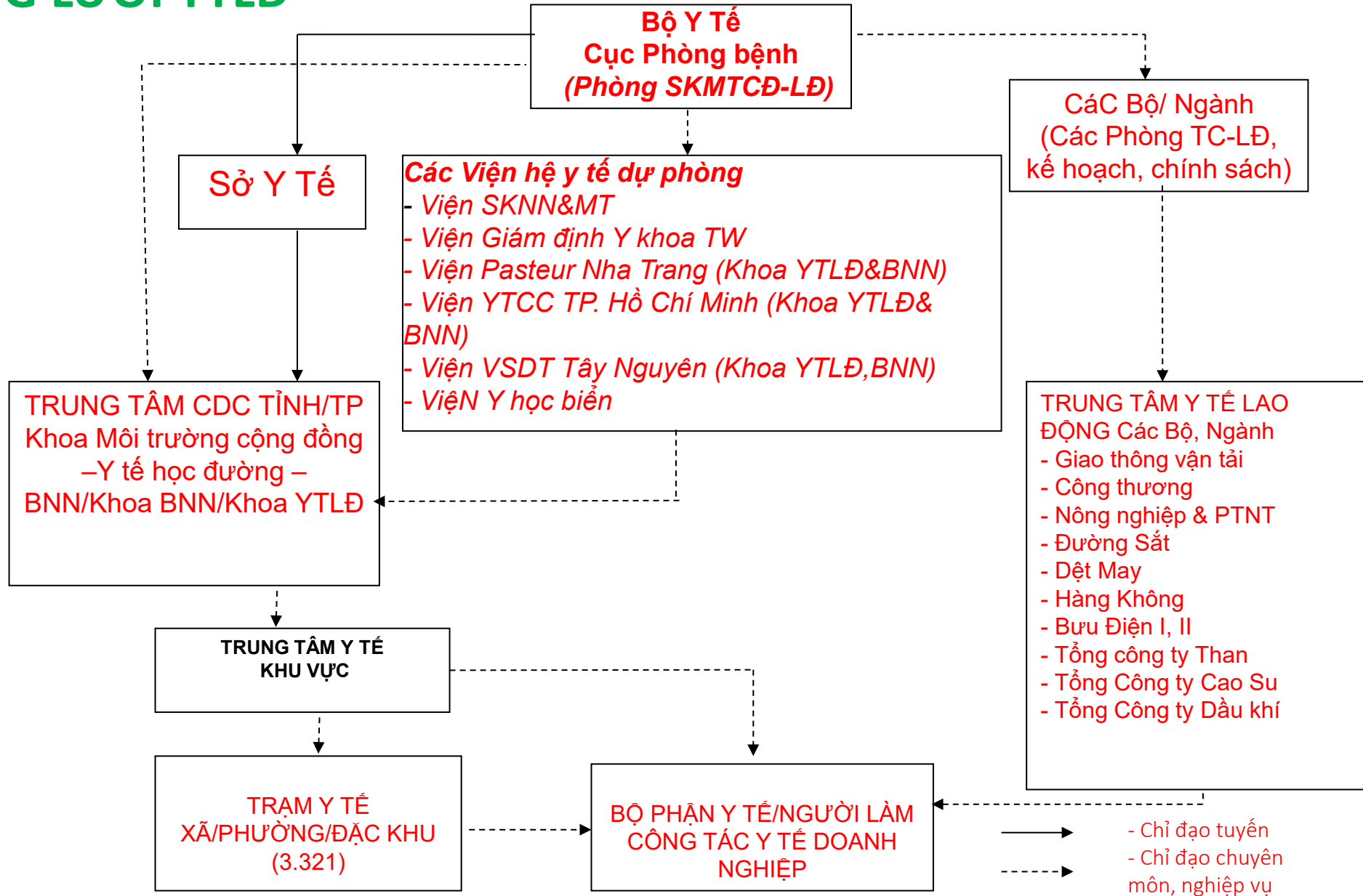
3. Các vấn đề tồn tại

III. Các quy định của pháp luật

IV. Giải pháp nâng cao chất lượng quản lý VSLĐ, chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động

I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ VSLĐ, CHĂM SÓC SỨC KHOẺ, PHÒNG CHỐNG BNN CHO NLĐ

1. MẠNG LƯỚI YTLD



2. HÌNH THỨC TỔ CHỨC BỘ PHẬN Y TẾ TẠI CSLĐ

Cơ sở lao động có tổ chức bộ phận tế					Cơ sở Hợp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (KBCB)	Tổng số
Có trạm/ phòng y tế	Bệnh viện	Phòng khám	Khác	Tổng số cơ sở LĐ có tổ chức y tế		
5.983	45	57	2.266	8.303 (11,7%)	3.960	12,263 (17,3%)

Tổng số người làm công tác y tế DN	Trình độ người làm công tác y tế						
	Bác sỹ	BS YTDP	CN điều dưỡng	y sỹ	Điều dưỡng trung học	Hộ sinh viên	khác
12.791	1.930 (15,2%)	268 (2,1%)	697 (5,4%)	4.813 (37,6%)	2.571 (20,1%)	841 (6,6%)	1.671 (13,1%)

**3. SỐ CƠ SỞ KBCB ĐƯỢC CẤP GPHEĐ/BỔ SUNG
PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN VỀ BNN**
(Tính đến ngày 04/3/2026)

Số CSYT được cấp phép khám, điều trị BNN	163 đơn vị
Số Phòng khám, điều trị BNN đang còn hoạt động:	157 đơn vị
- Các đơn vị do Bộ Y tế cấp phép	32 đơn vị
- Các đơn vị do Bộ/ngành cấp phép	01 đơn vị
- Các đơn vị do Sở Y tế cấp phép	123 đơn vị
Đơn vị xin tạm dừng hoạt động	02 đơn vị
Đơn vị xin chấm dứt hoạt động	05 đơn vị

4. TỔ CHỨC CÔNG BỐ ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2016/NĐ-CP VÀ 140/2018/NĐ-CP
(Tính đến ngày 10/3/2026)

Tổng số đơn vị đã công bố	287 đơn vị
Các đơn vị còn hoạt động	219 đơn vị
Số đơn vị đã công bố tại Bộ Y tế:	37 đơn vị
Số đơn vị đã công bố tại Sở Y tế các tỉnh/thành phố:	182 đơn vị
Số đơn vị đã bị đình chỉ/dừng hoạt động	68 đơn vị

5. HOẠT ĐỘNG QTMTLĐ

Năm	Số mẫu	Tỷ lệ % vượt TCCP	Ghi chú
2020	899.905	5,81	
2021	500.674	5,56	
2022	944.129	4,51	
2023	1.099.658	4,81	
2024	1.249.592	3,42	
2025	1.110.802	3,3	

Yếu tố có hại: (1) Vi khí hậu; (2) Bụi; (3) Ôn; (4) Ánh sáng; (5) Hơi khí độc; (6) Rung;
(7) Phóng xạ, từ trường; (8) Yếu tố khác

6. HOẠT ĐỘNG KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ CHO NLĐ

Năm	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Tổng cộng
2020	396,506	788,536	415,162	118,872	37,061	1,756,139
Tỷ lệ%	22.6	44.9	23.6	6.8	2.1	100
2021	379,038	579,034	303,823	149,138	47,795	1,458,828
Tỷ lệ%	26.0	39.7	20.8	10.2	3.3	100
2022	744.470	1.143.715	495.876	115.742	43.578	2.543.380
Tỷ lệ%	29,3	45,0	19,5	4,6	1,7	100
2023	632,978	1,115,920	511,689	120,350	98,383	2,479,320
Tỷ lệ%	25.5%	45%	20.6%	4.9%	4%	100%
2024	554.544	708.383	283.281	138.276	45.710	1.730.194
Tỷ lệ%	32%	41%	16%	8%	3%	100%
2025	735.809	1.529.863	643.540	136.752	34.120	3.080.084
Tỷ lệ%	24%	50%	21%	4%	1%	100%

7. HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁT HIỆN, GIÁM ĐỊNH BNN CHO NLĐ

Năm	Số tỉnh/TP thực hiện khám BNN	Số NLĐ được khám BNN	Số được chẩn đoán	Số được giám định	Hưởng trợ cấp 1 lần	Hưởng trợ cấp hàng tháng
2020	44	347.125	3.763	123	47	24
2021	32	205.755	249	26	19	01
2022	46	465.230	1.328	114	34	36
2023	46	509.547	696	600	167	377
2024	48	569.971	323	685	169	491
2025	28	865.143	55	43	11	02

8. KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC ATVSLĐ

TT	Nội dung	Kết quả
1	Tổ chức bộ máy ATVSLĐ	
	- Hội đồng ATVSLĐ	15/15 đơn vị đã có Hội đồng An toàn vệ sinh lao động
	- Bộ phận y tế	- 10/15 đơn vị đã tổ chức bộ phận y tế - 05/15 đơn vị chưa tổ chức bộ phận y tế cơ quan
	- Cơ sở vật chất	- 03/10 đơn vị bố trí 01 phòng cho hoạt động của bộ máy an toàn vệ sinh bệnh viện. - 07/10 đơn vị sử dụng lồng ghép các phòng chức năng khác cho công tác an toàn vệ sinh lao động
	- Mạng lưới ATVSV	- 15/15 đơn vị đã thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên

2	Kế hoạch ATVSLĐ	- 02/15 đơn vị chưa XD Kế hoạch ATVSLĐ - 05/15 đơn vị có Kế hoạch ATVSLĐ nhưng chưa chi tiết, đầy đủ 5 nội dung theo quy định
3	Lập hồ sơ vệ sinh môi trường lao động	- 06/15 đơn vị đã thực hiện theo quy định - 09/15 đơn vị chưa lập hồ sơ vệ sinh môi trường lao động
4	Quan trắc môi trường lao động	- 09/15 đơn vị đã thực hiện theo quy định - 06/15 đơn vị chưa thực hiện theo quy định

5	Quản lý sức khỏe người lao động	
	- Khám bố trí làm việc	- 01/15 đơn vị đã thực hiện theo quy định - 14/15 đơn vị chưa thực hiện quy định.
	- Khám sức khỏe định kỳ (năm 2024/2025)	- 14/15 đơn vị đã thực hiện theo quy định. - 01/15 đơn vị chưa thực hiện theo quy định
	- Khám bệnh nghề nghiệp	- 03/15 đơn vị đã tổ chức khám bệnh nghề nghiệp theo quy định. - 01/15 đơn vị đã tổ chức khám bệnh nghề nghiệp, tuy nhiên chưa đầy đủ theo quy định. - 11/15 đơn vị chưa tổ chức khám bệnh nghề nghiệp theo quy định
	- Hồ sơ cá nhân SKNLĐ	- 15/15 đơn vị lập hồ sơ sức khỏe cá nhân cho người lao động nhưng chưa đầy đủ.

7	Huấn luyện ATVSLĐ	- 08/15 đơn vị đã tổ chức các lớp huấn luyện ATVSLĐ. + 04/8 đơn vị thực hiện đúng quy định. + 04/8 đơn vị đã tổ chức huấn luyện, tuy nhiên chưa đầy đủ theo quy định - 07/15 đơn vị chưa tổ chức các lớp huấn luyện an toàn vệ sinh lao động
8	Quản lý, kiểm định thiết bị có yêu cầu ATVSLĐ	15/15 đơn vị đã thực hiện kiểm định đối với thiết bị có yêu cầu an toàn vệ sinh lao động. + 07/15 đơn vị đã thực hiện kiểm định đầy đủ đối với thiết bị có yêu cầu ATVSLĐ. + 08/15 đơn vị đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ đối với thiết bị có yêu cầu ATVSLĐ

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. THUẬN LỢI

- Chỉ đạo quyết liệt và kịp thời của Đảng và Chính phủ đối với hoạt động ATVSLĐ.
- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tương đối đầy đủ, hướng dẫn chi tiết, dễ áp dụng.
- Chế tài xử phạt vi phạm hành chính về ATVSLĐ tương đối nghiêm
- Các đơn vị thực hiện QTMTLĐ, khám sức khỏe, khám BNN được thành lập ở hầu hết các tỉnh, thành phố.
- Có sự phân cấp cho các đơn vị để quản lý.
- Nhận thức của NSDLĐ và NLĐ về pháp luật ATVSLĐ được chuyển biến tích cực

2. KHÓ KHĂN

- Tinh giảm đầu mối các tỉnh, thành phố từ 63 tỉnh/thành phố xuống còn 34 tỉnh/thành phố, ngành y tế cũng thực hiện việc sáp nhập, giải thể
- Áp dụng chính quyền địa phương 2 cấp:
 - + Số đầu mối làm việc ở tuyến cơ sở tăng lên. Công tác quản lý, nắm bắt khó khăn hơn.
 - + Hiện tại nhân lực ở trạm y tế gần như không có kiến thức về công tác Y tế lao động-BNN (gần như trắng).
 - + Văn bản pháp lý sau sáp nhập chưa được rõ ràng.
- Một số tỉnh, thành phố xóa TTYT huyện, một số chuyển thành TTYT khu vực nhưng chỉ để lại BVĐK
- Nhiều cán bộ y tế có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực YTLĐ, BNN xin chuyển công tác hoặc xin nghỉ việc
- Bộ phận y tế/người làm công tác y tế DN còn thiếu nhiều, chưa được đào tạo

3. CÁC VẤN ĐỀ TỒN TẠI

1. Công tác quản lý môi trường lao động:

- HS VSMTLĐ: CSLĐ chưa nắm được và xây dựng đúng và đủ
- Xây dựng kế hoạch và quy trình QTMTLĐ
 - Chưa căn cứ vào Hồ sơ VSMTLĐ để thực hiện xây dựng kế hoạch QTMTLĐ cho cơ sở lao động
 - Chưa căn cứ vào vị trí lao động để thực hiện xây dựng kế hoạch QTMTLĐ
 - Chưa xác định đúng và đủ yếu tố có hại trong MTLĐ
 - Chưa căn cứ vào yếu tố có hại để xây dựng kế hoạch QTMTLĐ (do hạn chế về năng lực quan trắc)
 - Một số đơn vị thực hiện quan trắc theo yêu cầu của CSLĐ đặt hàng (khu vực quan trắc, số mẫu) nên số lượng và kết quả không phản ánh đúng yếu tố có hại của cơ sở lao động: Không đáp ứng được yêu cầu phục vụ cải thiện ĐKLĐ và khám BNN
 - Số lượng và chất lượng mẫu QTMTLĐ còn thấp so với thực tế

3. CÁC VẤN ĐỀ TỒN TẠI

- Nhân sự thực hiện QTMTLĐ
 - Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: Trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng chưa đáp ứng
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị: Thiếu và yếu.
- Báo cáo kết quả QTMTLĐ
 - Chưa QTMTLĐ theo Hồ sơ VSMTLĐ (yếu tố có hại của CSLĐ).
 - Chưa phản ánh đúng về kết quả QTMTLĐ.
 - Chưa đề xuất được yếu tố có hại bổ sung khi cơ sở lao động không nhận diện trong HSVSMTLĐ.
 - Chưa cập nhật PP QTMTLĐ theo các QCVN.

3. CÁC VẤN ĐỀ TỒN TẠI

2. Về chăm sóc sức khỏe, phòng chống BNN cho người lao động:

- Các cơ sở KBCB nghề nghiệp còn hạn chế về năng lực, thiếu thiết bị y tế.
- Lực lượng làm lĩnh vực YTLD ít, thay đổi vị trí công tác, nghỉ việc nhiều
- Người làm công tác y tế DN được đào tạo cấp CCCNCM về YTLD còn thấp.
- Cơ sở đào tạo cấp CCCNCM về YTLD còn ít; kiểm tra hầu hết chưa đáp ứng các quy định tại Thông tư 29/2021/TT-BYT của Bộ Y tế
- Về lập hồ sơ quản lý sức khỏe NLĐ: chưa đúng quy định, hầu hết chỉ có Sổ khám sức khỏe định kỳ; thiếu Hồ sơ quản lý tình hình sức khỏe và bệnh tật của tất cả NLĐ đang làm việc tại cơ sở lao động.
- Về nội dung quản lý SKNLĐ: tỷ lệ NLĐ được KSK trước khi bố trí làm việc thấp; khám phát hiện BNN ít.

III. CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TÁC ATVSLĐ

1. Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 31-CT/TW, đặc biệt là Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, Luật Phòng bệnh số 114/2025/QH15, Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện nghị quyết số 72-NQ/TW,...

2. Luật ATVSLĐ:

- **Điều 7.** NSDLĐ có nghĩa vụ “Xây dựng, tổ chức thực hiện và chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc bảo đảm ATVSLĐ tại nơi làm việc; đóng bảo hiểm TNLĐ, BNN cho NLĐ”;

- **Điều 16:** “Bảo đảm nơi làm việc phải đạt yêu cầu về không gian, độ thoáng, bụi, hơi, khí độc, phóng xạ, điện từ trường, nóng, ẩm, ồn, rung, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại khác được quy định tại các QCVN, định kỳ kiểm tra, đo lường các yếu tố đó; bảo đảm có đủ buồng tắm, buồng vệ sinh phù hợp tại nơi làm việc theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế”.

- **Điều 21:** “Hàng năm, NSDLĐ phải tổ chức khám sức khỏe ít nhất một lần cho NLĐ; đối với NLĐ làm nghề, công việc NNĐHNH hoặc đặc biệt NNĐHNH, NLĐ là người khuyết tật, NLĐ chưa thành niên, NLĐ cao tuổi được khám sức khỏe ít nhất 06 tháng một lần”; “NSDLĐ tổ chức khám sức khỏe cho NLĐ trước khi bố trí làm việc”;

- **Điều 38:** Trách nhiệm của NSDLĐ đối với NLĐ bị TNLĐ, BNN.

3. Các Nghị định của Chính phủ:

- Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật ATVSLĐ.
- Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ATVSLĐ về hoạt động kiểm định kỹ thuật ATLĐ, huấn luyện ATVSLĐ và quan trắc môi trường lao động.
- Nghị định 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh.

4. Các Thông tư

- Thông tư 56/2025/TT-BYT ngày 31/12/2025 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý BNN;
- Thông tư 60/2025/TT-BYT ngày 31/12/2025 của Bộ Y tế quy định về bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội và hướng dẫn chẩn đoán, giám định mức suy giảm khả năng lao động do bệnh nghề nghiệp.

IV. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN LÝ VSLĐ, CHĂM SÓC SỨC KHỎE, PHÒNG CHỐNG BỆNH NGHỀ NGHIỆP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, đơn vị đối với công tác ATVSLĐ.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức chủ động bảo đảm ATVSLĐ, chăm sóc nâng cao sức khỏe NLĐ, phòng chống BNN cho các DN, NSDLĐ, NLĐ.

3. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về VSLĐ, QTMTLĐ, chăm sóc nâng cao sức khỏe NLĐ, phòng chống BNN:

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN, phân cấp, phân quyền, thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm chính sách pháp luật được thực hiện nghiêm; thực hiện tốt Quyết định số 659/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường quản lý các dịch vụ QTMTLĐ; khám sức khỏe phát hiện BNN; khám sức khỏe định kỳ; đào tạo cấp chứng chỉ chứng nhận chuyên môn về YTLĐ;

- Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng công tác đào tạo, huấn luyện, chuyển giao, cập nhật kiến thức, kỹ năng ATVSLĐ, kỹ năng QTMTLĐ, vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe NLĐ, phòng chống BNN. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, công nghệ tiên tiến để cải thiện môi trường và điều kiện làm việc, trong chăm sóc sức khỏe, bảo đảm ATVSLĐ trong tình hình mới.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tiếp nhận và báo cáo tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Thực hiện lồng ghép dữ liệu khám sức khỏe định kỳ, khám BNN vào hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân của NLĐ.

- Đưa nội dung đào tạo về ATVSLĐ nâng cao hiểu biết về các quy trình, quy phạm chuyên môn, kỹ năng phòng tránh TNLĐ, BNN và bảo đảm VSLĐ cho NLĐ vào trong các cơ sở đào tạo.

4. Hoàn thiện thể chế, chính sách về ATVSLĐ phù hợp với giai đoạn hiện nay.

5. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho công ATVSLĐ

- Tăng cường nguồn lực đầu tư cho công tác ATVSLĐ, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.
- Củng cố và hoàn thiện các cơ sở cung cấp dịch vụ khám sức khỏe định kỳ, khám, điều trị BNN cho NLĐ, QTMTLĐ.
- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước cho công tác ATVSLĐ.
- Chú trọng đầu tư trang thiết bị giám sát MTLĐ, khám sức khỏe, khám phát hiện BNN cho cơ sở y tế các tuyến theo chức năng nhiệm vụ.
- Tăng cường trao đổi thông tin, kinh nghiệm, hợp tác đào tạo chuyên gia với các nước, tiếp cận, ứng dụng các kỹ thuật công nghệ tiên tiến của các nước để thực hiện ngày càng tốt hơn công tác VSLĐ, QTMTLĐ, chăm sóc sức khỏe, phòng chống BNN cho NLĐ.
- Đảm bảo kết cấu ngân sách cho công tác ATVSLĐ, phòng chống BNN.

6. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện công tác ATVSLĐ.

- Chủ trì, phối hợp với bộ, ban, ngành liên quan, UBND các tỉnh/TP và các cơ quan tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe NLĐ, phòng chống BNN giai đoạn 2020-2030 được phê duyệt tại Quyết định số [659/QĐ-TTg](#) của Thủ tướng Chính phủ.

- Phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành về ATVSLĐ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong việc thống kê, tổng hợp báo cáo, đánh giá tình hình TNLĐ, BNN theo đúng quy định pháp luật.

- Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá công tác ATVSLĐ. Khen thưởng kịp thời đối với tổ chức, cá nhân làm tốt, xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật vệ sinh lao động, giám sát môi trường lao động, chăm sóc sức khỏe NLĐ, phòng chống BNN.

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN

